|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ** |  |

**QUAN ĐIỂM, NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức**

**chuyên ngành khoa học và công nghệ**

**1. Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện** **Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV**

Qua theo dõi tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV và tổng hợp kiến nghị từ một số bộ, ngành địa phương, một số khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV gồm:

- Các quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ còn định tính, khó xác định; Một số quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ còn đan xen, chưa có sự khác biệt rõ giữa các hạng chức danh cao với hạng chức danh thấp;

- Một số quy định về nhiệm vụ và tiêu chuẩn chuyên môn; yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ KH&CN của hai nhóm chức danh (nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) chưa có sự khác biệt giữa hai khối nghiên cứu và triển khai, gây khó khăn khi áp dụng vào thực tế.

- Cách tính kết quả hoạt động chuyên môn chưa bao quát hết các loại kết quả khoa học công nghệ, chưa phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực KH&CN (bên cạnh kết quả chủ trì nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu còn có: bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật được ứng dụng mang lại hiệu quả; bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thuộc hệ thống ISI hoặc Scopus); đồ án thiết kế quy hoạch; xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia…)

- Chưa phân biệt được yêu cầu cần đạt của viên chức khi giữ hạng chức danh và yêu cầu cần đạt của viên chức khi tham dự thi thăng hạng (hoặc đặc cách thăng hạng) lên chức danh đó.

**2. Quan điểm, cách thức sửa đổi, bổ sung:**

Sửa đổi, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ không thấp hơn tiêu chuẩn hiện hành quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (không hạ bớt tiêu chuẩn) mà chủ yếu sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm khắc phục những vướng mắc nêu trên. Cụ thể như sau:

a) Đối với yêu cầu về nhiệm vụ

Xác định năng lực thực hiện nhiệm vụ KH&CN của từng hạng chức danh cần ứng với năng lực đề xuất và thực hiện nhiệm vụ các cấp:

*+ Hạng I - chức danh cao cấp* (Nghiên cứu viên cao cấp, Kỹ sư cao cấp): Phải có đủ năng lực và trình độ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN/kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng công nghệ *cấp quốc gia* (khả năng giải quyết công việc ở quy mô quốc gia)

+ *Hạng II - chức danh chính* (Nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính): Phải đủ năng lực và trình độ để chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN/ kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng công nghệ *cấp bộ/ngành/tỉnh* (khả năng giải quyết công việc ở quy mô bộ, ngành, tỉnh).

+ *Hạng III - chức danh viên* (Nghiên cứu viên, Kỹ sư): Phải đủ năng lực và trình độ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN/ kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng công nghệ *cấp cơ sở* (khả năng giải quyết công việc ở phạm vi cơ sở, cơ quan, đơn vị làm việc).

b) Về tính thành tích, kết quả hoạt động chuyên môn:

Để bảo đảm bao quát được các loại kết quả hoạt động khoa học và công nghệ KH&CN, phù hợp đặc thù, tính chất của các lĩnh vực KH&CN và hai loại chức danh, dự thảo Thông tư quy định tính các kết quả khoa học và công nghệ gồm:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; cấp Bộ/ngành/tỉnh; cấp quốc gia (được nghiệm thu ở mức đạt trở lên);

- Kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế cao;

- Bằng độc quyền Sáng chế (đã được cấp bằng)

- Giải pháp hữu ích; giải pháp kỹ thuật được ứng dụng trong thực tiễn;

- Công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ:

+ Bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus;

+ Bài báo trong nước thuộc danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước;

+ Báo cáo khoa học tại Hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo;

+ Bài báo khoa học tại hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo;

- Sách chuyên khảo; sách giáo trình; sách tham khảo; sách hướng dẫn; sách phục vụ đào tạo được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín ở trong nước và nước ngoài. (cách hiểu và xác định các loại sách này thực hiện theo quy định của Hội đồng giáo sư nhà nước).

- Ngoài ra còn có các loại kết quả khác theo đặc thù thực tế một số ngành/lĩnh vực có viên chức KH&CN, có hàm lượng kỹ thuật cao, như: Ban quản lý các công trình xây dựng, chủ nhiệm thiết kế dự án, chủ nhiệm đồ án quy hoạch…

c) Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với từng hạng chức danh sẽ quy định cứng một số tiêu chuẩn phải đạt (để thấy được năng lực thực hiện được nhiệm vụ, chức trách của viên chức).

Để xem xét tiêu chuẩn của chức danh **khi viên chức dự thi thăng hạng**, bên cạnh đạt tiêu chuẩn theo quy định cứng, sẽ thực hiện việc **tính điểm quy đổi từ các kết quả KH&CN khác nhau** bảo đảm bao quát được các kết quả KH&CN khác nhau, linh hoạt, thuận lợi khi triển khai trên thực tế và bảo đảm chế độ, chính sách cho viên chức KH&CN. Dự thảo Thông tư tham khảo cách tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước để quy định cách tính điểm quy đổi.

**3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tư liên tịch 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV** | **Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
|  | **Bổ sung Điều 1a sau Điều 1:**  **“Điều 1a.** **Giải thích từ ngữ:**  1. “Tạp chí khoa học quốc tế có uy tín”: là những tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong Web of Science (ISI), danh mục Scopus.  2. “Tạp chí khoa học trong nước có uy tín”: là những tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thuộc Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước hằng năm.  3. “Bài báo khoa học” là công trình khoa học của tác giả đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thể hiện rõ ý tưởng khoa học, nội dung cần thiết của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.  4. “Sách chuyên khảo” là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành.  5. “Sách tham khảo” là công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng, được cơ sở giáo dục đại học dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và người học.  6. “Giáo trình” là tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;  7. “Sách hướng dẫn” là sách được cơ sở giáo dục đại học sử dụng để hướng dẫn cho người học, hướng dẫn thực tập môn học, thực tập theo giáo trình, thực tập trong bệnh viện, thực tập trong cơ sở sản xuất; từ điển chuyên ngành. | Để làm rõ một số thuật ngữ được quy định tại Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, tránh phải giải thích nhiều lần tại văn bản. |
|  | Bổ sung Điều 3a sau Điều 3:  “**Điều 3a. Công trình khoa học được tính điểm quy đổi**  1. Công trình khoa học được tính điểm quy đổi gồm:  a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;  b) Kết quả khoa học và công nghệ được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, gồm:  - Sáng chế đã được cấp văn bằng bảo hộ (Bằng độc quyền sáng chế)  - Giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ (Bằng độc quyền giải pháp hữu ích);  - Kiểu dáng công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ (Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp);  - Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn đã được cấp văn bằng bảo hộ (Giấy chứng nhận đăng ký Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn);  - Giống cây trồng được cấp bằng bảo hộ;  c) Bài báo khoa học.  d) Sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách phục vụ đào tạo, giáo trình, sách hướng dẫn.  đ) Kết quả thiết kế và quản lý thực hiện các dự án, công trình xây dựng.  2. Mỗi loại công trình khoa học được quy đổi tại khoản 1 Điều này phải có nội dung phù hợp với chuyên ngành khoa học và công nghệ mà viên chức đang hoạt động, phù hợp với vị trí việc làm, chức trách mà viên chức đang đảm nhận. Việc tính điểm quy đổi cho các công trình khoa học căn cứ vào kết quả, chất lượng của từng công trình và được tính bằng điểm quy đổi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.  3. Công trình khoa học đã công bố có nội dung trùng lặp với công trình khác từ 30% trở lên chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, bản tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, tổng quan, nhận xét, đánh giá, dịch thuật không được tính là công trình khoa học quy đổi. | Quy định cụ thể các loại công trình khoa học được tính điểm quy đổi để đánh giá tiêu chuẩn của viên chức. |
| Điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc là (đồng) tác giả hoặc (đồng) chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo và là tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN) (hoặc ít nhất 06 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước);  đ) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên chính lên chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 6 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tối thiểu là 2 (hai) năm. | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  “3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ:  d) Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và chủ trì, tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.  Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc là tác giả chính hoặc chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo và tác giả chính của ít nhất 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.  đ) Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên cao cấp thì trong thời gian giữ hạng chức danh nghiên cứu viên chính hoặc tương đương phải đạt được kết quả khoa học và công nghệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều này hoặc phải đạt ít nhất 05 điểm công trình khoa học quy đổi, trong đó có ít nhất 03 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; 02 điểm được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ thi thăng hạng nghiên cứu viên cao cấp.  e) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên chính lên chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tối thiểu là 02 (hai) năm”. | **-**Quy định rõ năng lực chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tầm quốc gia của NCVCC.  - Quy định về tiêu chuẩn để được thi thăng hạng của viên chức lên NCVCC; việc quy đổi điểm khi tính thành tích hoạt động khoa học và công nghệ để bảo đảm tính được hết các thành tích hoạt động KHCN củ ứng viên ở các lĩnh vực khác nhau. |
| điểm d khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 sách chuyên khảo và là tác giả của ít nhất 03 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước;  đ) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 9 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tối thiểu là 2 (hai) năm. | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV như sau:  “3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ:  d) Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và chủ trì, tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.  Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 sách chuyên khảo và là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.  đ) Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính thì trong thời gian giữ hạng chức danh nghiên cứu viên hoặc tương đương phải đạt kết quả khoa học và công nghệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều này hoặc phải đạt ít nhất 04 điểm công trình khoa học quy đổi, trong đó có ít nhất 02 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên và công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; 01 điểm được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ thi thăng hạng nghiên cứu viên chính.  e) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.” | **-** Quy định rõ năng lực chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh của NCVC.  - Quy định về tiêu chuẩn để được thi thăng hạng của viên chức lên NCVC; việc quy đổi điểm khi tính thành tích hoạt động khoa học và công nghệ để bảo đảm tính được hết các thành tích hoạt động KHCN củ ứng viên ở các lĩnh vực khác nhau. |
| điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh (hoặc chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc là tác giả hoặc tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (áp dụng đối với trường hợp thăng hạng từ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) lên chức danh nghiên cứu viên (hạng III); | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên (hạng III) như sau:  “3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:  d) Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và là tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín. | **-** Quy định rõ năng lực chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của NCV. |
| điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;  đ) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư chính lên chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 6 (sáu) năm, trong đó thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) gần nhất tối thiểu là 2 (hai) năm. | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  “3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ:  d. Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình cấp quốc gia và chủ trì, tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình các cấp.  Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; hoặc có ít nhất 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ và 01 giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ; hoặc làm giám đốc Ban quản lý ít nhất 01 dự án công trình xây dựng nhóm A (công trình cấp 1) đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc làm chủ nhiệm thiết kế ít nhất 01 dự án công trình xây dựng nhóm A (công trình cấp 1), được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật cho phép triển khai thi công xây dựng.  đ) Viên chức dự thi thăng hạng kỹ sư cao cấp thì trong thời gian giữ hạng chức danh kỹ sư chính hoặc tương đương phải có kết quả khoa học và công nghệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều này hoặc phải đạt ít nhất 05 điểm công trình khoa học quy đổi, trong đó có ít nhất 03 điểm là điểm quy đổi từ chủ trì/thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ/dự án cấp bộ, công trình cấp 2 trở lên hoặc bài báo khoa học, sáng chế, giải pháp kỹ thuật được bảo hộ; 02 điểm được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ thi thăng hạng kỹ sư cao cấp.  e) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư chính lên chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 (sáu) năm, trong đó thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) gần nhất tối thiểu là 02 (hai) năm”. | **-**Quy định rõ năng lực chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tầm quốc gia của KSCC.  Bổ sung quy định về kết quả hoạt động KHCN phù hợp với tính chất việc làm của kỹ sư.  - Quy định về tiêu chuẩn để được thi thăng hạng của viên chức lên KSCC; việc quy đổi điểm khi tính thành tích hoạt động khoa học và công nghệ để bảo đảm tính được hết các thành tích hoạt động KHCN của ứng viên ở các lĩnh vực khác nhau. |
| điểm d khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh ở mức đạt trở lên hoặc tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;  đ) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư lên chức danh kỹ sư chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 9 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tối thiểu là 2 (hai) năm. | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ sư chính (hạng II) như sau:  “3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ:  d. Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình cấp bộ, cấp tỉnh và chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình khác.  Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc có ít nhất 01 giải pháp hữu ích được bảo hộ; hoặc làm giám đốc Ban quản lý ít nhất 01 dự án công trình xây dựng cấp 2 đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc đã làm chủ nhiệm thiết kế ít nhất 01 dự án công trình xây dựng cấp 2, được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật cho phép triển khai thi công xây dựng.  đ) Đối với viên chức dự thi thăng hạng kỹ sư chính thì trong thời gian giữ hạng chức danh kỹ sư hoặc tương đương phải có kết quả khoa học và công nghệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều này hoặc phải đạt ít nhất 04 điểm công trình khoa học quy đổi, trong đó có ít nhất 02 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giải pháp hữu ích được bảo hộ, công bố bài báo; 01 điểm được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ thi thăng hạng hạng kỹ sư chính.  e) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư lên chức danh kỹ sư chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm”. | - Quy định rõ năng lực chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh của KSVC.  - Bổ sung quy định về kết quả hoạt động KHCN phù hợp với tính chất việc làm của kỹ sư.  - Quy định về tiêu chuẩn để được thi thăng hạng của viên chức lên KSVC; việc quy đổi điểm khi tính thành tích hoạt động khoa học và công nghệ để bảo đảm tính được hết các thành tích hoạt động KHCN củ ứng viên ở các lĩnh vực khác nhau. |
| điểm d khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:  d) Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên (áp dụng đối với trường hợp thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) lên chức danh kỹ sư (hạng III); | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III) như sau:  “3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ:  d. Có năng lực chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình cấp cơ sở.  Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc có ít nhất 01 giải pháp kỹ thuật được ứng dụng vào thực tiễn; hoặc làm giám đốc Ban quản lý ít nhất 01 dự án công trình xây dựng cấp 3 đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc đã làm chủ nhiệm thiết kế ít nhất 01 dự án công trình xây dựng cấp 3, được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật cho phép triển khai thi công xây dựng. | Quy định rõ hơn năng lực chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình cấp cơ sở.  Bổ sung quy định về kết quả hoạt động KHCN phù hợp với tính chất việc làm của kỹ sư. |
|  | **Điều 2**. **Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.  2. Đối với các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ thực hiện theo Đề án tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức đã được cấp có thẩm quyền thống nhất, phê duyệt thì tiếp tục thực hiện việc tổ chức thi, xét theo Đề án đã được phê duyệt. Trường hợp đến ngày tháng năm 2019 mà cơ quan có thẩm quyền chưa tổ chức thi, xét thăng hạng thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này. | Quy định về điều kiện chuyển tiếp thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi. |
|  | **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**  1. Các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.  2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hưỡng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./. |  |